

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
PHẦN MỞ ĐẦU	
1. Lý do chọn đề tài.	2
2. Mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài.	3
3. Đối tượng nghiên cứu.	3
4. Giới hạn của đề tài.	3
5. Phương pháp nghiên cứu.	3
PHẦN NỘI DUNG	
1. Cơ sở lí luận.	5
2. Thực trạng vấn đề nghiên cứu.	5
3. Nội dung và hình thức của giải pháp.	8
a. Mục tiêu của giải pháp	8
b. Nội dung và cách thức thực hiện giải pháp	9
c. Kết quả khảo nghiệm, áp dụng vào thực tiễn của đơn vị; giá trị khoa học của vấn đề nghiên cứu; phạm vi và hiệu quả ứng dụng.	16
PHẦN KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ	
1. Kết luận	19
2. Kiến nghị	19
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
	21

GDPT: Giáo dục phổ thông
 BGH: Ban giám hiệu
 PHHS: Phụ huynh học sinh
 GVCN: Giáo viên chủ nhiệm
 GV: Giáo viên
 HS: Học sinh

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài.

Trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay, Tiếng Anh được xem như một trong những yếu tố quan trọng nhất, nó là ngôn ngữ được sử dụng phổ biến trên toàn thế giới, được gọi là ngôn ngữ toàn cầu, là cầu nối giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Đối với Việt Nam, một quốc gia đang trên đà phát triển, đang trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, thì Tiếng Anh lại càng quan trọng và cần thiết hơn.

Trong những năm gần đây, việc học ngoại ngữ nói chung và môn Tiếng Anh nói riêng đã và đang được chú trọng hơn rất nhiều. Khi tiếng Anh đã khẳng định được vai trò và tầm quan trọng của nó trong các trường học và các cấp học, thì việc nâng cao chất lượng dạy và học là rất quan trọng.

Trong quá trình giảng dạy môn Tiếng Anh, tôi cho rằng từ vựng là yếu tố quan trọng nhất. Nó là phương tiện diễn đạt ý tưởng, là điều kiện để hình thành và phát triển các kỹ năng nghe – nói – đọc – viết. Hơn nữa, số lượng từ được quy định ở cấp Tiểu học khoảng 600 - 700 từ (tương ứng bậc A1 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam). Tuy nhiên trong thực tế giảng dạy, tôi đã phát hiện sau khi hoàn thành chương trình lớp 4, nhiều em không nhớ các từ vựng mà mình đã được học ở cả hình thức lời nói và chữ viết, dẫn đến không thể giao tiếp hay xây dựng những câu đơn giản về bản thân, gia đình hay những gì xung quanh sau khi học xong chương trình Tiếng Anh lớp 4. Vốn từ vựng của các em rất hạn chế, dẫn đến rất nhiều khó khăn trong việc thực hành, vận dụng và phát triển 4 kỹ năng, từ đó khiến cho các em học sinh có cảm giác thiếu tự tin, lúng túng, e sợ và rụt rè khi tham gia các hoạt động. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến quá trình học, đặc biệt là quá trình giao tiếp. Chính vì vậy, bản thân tôi trăn trở làm thế nào giúp học sinh toàn trường nói chung và học sinh khối lớp 4 nói riêng có thể nắm vững các từ vựng đã được học, làm sao để các em yêu thích, hứng thú đối với việc học từ vựng tiếng anh và sử dụng các từ vựng một cách có hiệu quả. Đó là lí do tôi đã lựa chọn, tìm tòi và nghiên cứu **“Giải pháp giúp học tốt từ vựng Tiếng Anh cho**

học sinh khối lớp 4, trường Tiểu học Lý Thường Kiệt”

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài.

– Trên cơ sở khảo sát thực trạng học tiếng Anh của học sinh trường Tiểu học Lý Thường Kiệt, từ đó phân tích, so sánh, rút ra phương pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học từ vựng Tiếng Anh, thông qua đó đề ra các phương pháp giúp học sinh ghi nhớ từ vựng một cách có hiệu quả, nhằm xây dựng, bồi dưỡng, mở rộng vốn từ của các em, từ đó nâng cao chất lượng dạy và học để đạt mục tiêu học ngoại ngữ của chương trình GDPT 2018 là: “Học ngoại ngữ để giao tiếp”.

– Giúp học sinh củng cố kiến thức về từ vựng, tăng hứng thú, lòng say mê, yêu thích môn Tiếng Anh, phát huy khả năng học môn tiếng Anh cho các em, và trên hết là các em có thể trang bị cho bản thân mình một số kiến thức cho những bậc học tiếp theo cũng như trong tương lai các em về sau.

3. Đối tượng nghiên cứu.

Nghiên cứu tiến hành trên học sinh khối lớp 4 tại trường Tiểu học Lý Thường Kiệt, xã Cư Bông, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk năm học 2023 – 2024.

4. Giới hạn của đề tài.

Đề tài chỉ nghiên cứu một số giải pháp giúp học sinh ghi nhớ tốt từ vựng tiếng Anh cho học sinh khối lớp 4 ở trường Tiểu học Lý Thường Kiệt.

5. Phương pháp nghiên cứu.

• Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Sử dụng tổng thể các phương pháp nghiên cứu tài liệu gồm: phân loại tài liệu, phân tích tài liệu, đọc, ghi chép và tóm tắt tài liệu khoa học của các công trình khoa học đã nghiên cứu từ đó rút ra cơ sở lý luận của đề tài đang nghiên cứu.

- Phương pháp điều tra.
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá.
- Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp.
- Phương pháp thực hành sư phạm.

- Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi: Đặt các câu hỏi điều tra về sự hứng thú của học sinh về việc học tiếng Anh hiện nay, từ đó rút ra phương pháp nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng học sinh.
- Phương pháp trình bày bản thống kê và xử lý số liệu: (Tính theo tỷ lệ %)

PHẦN NỘI DUNG

1. Cơ sở lý luận.

Theo chương trình GDPT (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), môn Tiếng Anh chính thức là môn học bắt buộc từ lớp 3 đến lớp 12, và được xây dựng theo quan điểm lấy năng lực giao tiếp là mục tiêu của quá trình dạy học, lấy học sinh làm trung tâm. Mục tiêu sau khi hoàn thành chương trình Tiểu học, học sinh có thể: Giao tiếp đơn giản bằng tiếng Anh thông qua 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, trong đó nhấn mạnh hai kỹ năng nghe và nói; Có kiến thức cơ bản và tối thiểu về tiếng Anh, bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; Có thái độ tích cực đối với việc học tiếng Anh, biết tự hào, yêu quý và trân trọng nền văn hóa và ngôn ngữ của dân tộc mình; Hình thành cách học tiếng Anh hiệu quả, tạo cơ sở cho việc học ngoại ngữ trong tương lai.

Trong việc dạy và học tiếng Anh, từ vựng là một trong ba thành tố tạo thành hệ thống kiến thức ngôn ngữ và đóng vai trò là phương tiện, điều kiện hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp. Trong bất kỳ một ngôn ngữ nào, vai trò của từ vựng cũng hết sức quan trọng. Không thể hiểu ngôn ngữ mà không hiểu biết từ vựng. Một từ vựng đơn lẻ cũng không thể diễn đạt được điều muốn nói. Như vậy việc học từ vựng và rèn luyện kỹ năng sử dụng từ vựng là yếu tố hàng đầu trong việc truyền thụ và tiếp thu một ngôn ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng. Với một ngôn ngữ mới đối với các em học sinh Tiểu học ở vùng nông thôn như nơi tôi đang công tác lại càng khó hơn, các em không thể sử dụng và phát triển được cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Vì vậy, cần phải sử dụng những phương pháp hiệu quả để phát huy được tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh, nhưng phải phù hợp với đặc trưng môn học, phù hợp với đối tượng học sinh, bồi dưỡng năng lực tự học, hợp tác, rèn luyện, vận dụng các từ vựng đã được học, từ đó đem lại niềm vui, hứng thú đối với việc học từ vựng của các em.

2. Thực trạng vấn đề nghiên cứu.

a. Thuận lợi

– Môn Tiếng Anh đã và đang ngày càng nhận được nhiều sự quan tâm của học sinh, phụ huynh học sinh, chính quyền địa phương và các cấp lãnh đạo. Hàng năm môn Tiếng Anh được nhà trường bổ sung nhiều đồ dùng, thiết bị phục vụ cho công tác dạy và học, bố trí phòng Tiếng Anh riêng, có ti vi thông minh, kết nối Internet.

– Đội ngũ giáo viên trẻ, nhiệt tình, luôn biết tìm tòi, sáng tạo, áp dụng những điều mới, hiệu quả vào công tác dạy và học, đáp ứng mục tiêu giáo dục hiện nay. Hằng năm, giáo viên Tiếng Anh cũng được tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

– Đi cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, giúp giáo viên có nguồn tư liệu, học liệu phong phú, đa dạng, phục vụ cho quá trình dạy học, làm giảm đi rất nhiều gánh nặng về công tác soạn giảng, hồ sơ, sổ sách.

b. Khó khăn

– Trường TH Lý Thường Kiệt là một trường nằm ở xã Cư Bông, một xã vùng sâu vùng xa của huyện, đa số học sinh trên địa bàn là con em của những gia đình khó khăn, bố mẹ thuần nông, các em chưa có mọi điều kiện tốt để học tập, một số học sinh được trang bị máy tính hay điện thoại thông minh nhưng hỗ trợ cho việc học chưa nhiều. Hơn thế, năm học 2023-2024 Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân (huyện M'Đrăc – tỉnh Đắk Lắk) giải thể, 268 hộ dân tái định cư về xã nhà, 249 học sinh của trường này chuyển về tiếp tục học tập tại trường Tiểu học Lý Thường Kiệt, gia đình các em vẫn còn đang trong quá trình ổn định về chỗ ở, nơi làm việc, nhiều gia đình còn đi qua về lại giữa hai xã để làm nương rẫy, để các con ở nhà đưa lớn chăm đưa bé, nên các em chưa nhận được nhiều sự quan tâm, phần lớn các em còn rất nhút nhát, thiếu tự tin, ngại phát âm và thực hành giao tiếp.

– Địa bàn trường có hơn 77% là học sinh dân tộc thiểu số, trong đó có khoảng 15% học sinh dân tộc tại chỗ (Ê đê), khả năng tiếp thu của các em chậm, các em bị rào cản của tiếng Mẹ đẻ khá lớn.

– Môn Tiếng Anh là môn học không phải phụ huynh nào cũng biết. Vì thế, việc hỗ trợ học sinh học tập ở nhà là còn nhiều hạn chế.

– Đây là năm học đầu tiên sử dụng bộ sách giáo khoa Tiếng anh 4 I learn Smart Start, thời gian nghiên cứu và trải nghiệm còn ít, nên giáo viên có thể chưa khám phá hết ý tưởng cũng như hiệu quả sử dụng sách.

– Dạy học trong một tập thể lớp, trình độ nhận thức có nhiều cấp độ khác nhau, một số em có ý thức học tập nghiêm túc, tuy nhiên có không ít học sinh không hứng thú, không tập trung, lười học, dẫn đến không nhớ được từ vựng ở cả hình thức lời nói và chữ viết, các em rất mau quên và dễ dàng lẫn lộn giữa từ này với từ khác. Do vậy, nhiều học sinh đâm ra chán học. Ngoài ra thời gian trên lớp không nhiều cũng khiến cho việc luyện tập từ vựng còn hạn chế.

– Năm học 2023-2024, tôi được phân công giảng dạy tiếng anh khối lớp 4. Qua trực tiếp giảng dạy, tôi nhận thấy bốn kỹ năng của các em còn rất nhiều hạn chế, cụ thể:

- Về kỹ năng nghe: Các em nghe nhưng không hiểu nội dung của bài dẫn đến không trả lời được câu hỏi mà đề bài đặt ra, hoặc các em nghe được từ vựng, nhưng không viết chính xác được từ đó.

- Về kỹ năng nói: Các em ngại giao tiếp, nói chưa nói trôi chảy, phát âm sai, bị “bí từ” nên dẫn đến “bí ý tưởng nói”

- Về kỹ năng đọc: Các em không đọc được, đọc còn chậm, đọc mà không hiểu, hiểu ít hoặc hiểu sai nội dung bài đọc.

- Về kỹ năng viết: Các em không viết được, viết sai chính tả các từ đã được học, dẫn đến không áp dụng được các từ vào câu.

* Bước đầu làm quen với môn học mới và khó nên các em còn thiếu hứng thú, chán nản. Tôi đã tiến hành một phiếu khảo sát về hứng thú với môn tiếng Anh đối với học sinh khối lớp 4 đầu học kì I năm học 2023-2024 và có kết quả như sau:

Học kì/ Tổng số	Thích	Bình thường	Không thích
Đầu HKI	25/113	54/113	34/113
113 học sinh	(22,1%)	(47,8%)	(30,1%)

Qua bảng thống kê ta thấy nhiều học sinh không thích học tiếng Anh (**30,1%**), HS thích thấp (**22,1%**). Theo tìm hiểu, nguyên nhân các em cho rằng môn học này khó, các em chán nản.

* Trước khi đưa ra giải pháp, tôi cũng tiến hành khảo sát khả năng ghi nhớ từ vựng và vận dụng từ vựng vào các kỹ năng của các em học sinh khối lớp 4, qua một bài kiểm tra đánh giá năng lực đầu học kì I, và thu được kết quả như sau:

Học kì/ Tổng số	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
Đầu HKI	29/113	50/113	34/113
113 học sinh	(25,7%)	(44,2%)	(30,1%)

Kết quả trên cho chúng ta thấy tỉ lệ học sinh chưa hoàn thành cao (**30,1%**), học hoàn thành tốt thấp (**25,7%**) . Những con số này đặt ra nhiệm vụ cần giải quyết vô cùng to lớn, và cho thấy vai trò của giải pháp, để góp phần nâng cao chất lượng trong công tác dạy và học từ vựng cho học sinh.

3. Nội dung và hình thức của giải pháp.

a. Mục tiêu của giải pháp

Đối với việc học ngôn ngữ của học sinh, đặc biệt là việc học từ vựng của học sinh Tiểu học vẫn còn nhiều hạn chế, các em chưa ghi nhớ được nhiều từ, dẫn đến tâm lí sợ môn học này khiến cho hiệu quả của quá trình học chưa cao. Tâm lí của các em là thích chơi hơn học, thích hình ảnh, hoạt động hơn lí thuyết. Chính vì vậy, giáo viên cần sử dụng biện pháp, kĩ thuật phù hợp để học thông qua chơi, khơi

dậy hứng thú, say mê học tập cho học sinh, để các em tập trung chú ý, tích cực, chủ động tham gia các hoạt động. Tạo cho học sinh một môi trường học tập ngôn ngữ tự nhiên, thoải mái, không gò bó, nặng nề. Giúp các em hệ thống từ vựng một cách dễ dàng, và ghi nhớ từ vựng một cách tự nhiên, lâu dài. Từ đó, các em có thể vận dụng vốn từ vào các kỹ năng một cách có hiệu quả.

b. Nội dung và cách thức thực hiện giải pháp

• Thứ nhất: dạy và học từ vựng bằng phương pháp TPR (Total Physical Response – phản xạ toàn bộ)

- Tạo cho học sinh có một môi trường học tập thú vị và thoải mái. Học sinh được học ngôn ngữ không những bằng âm thanh, hình ảnh, mà còn lẫn vận động, giúp cho các em tiếp thu ngôn ngữ một cách tự nhiên, dễ dàng ghi nhớ và lưu trữ ngôn ngữ lâu dài.

▪ Cách thức thực hiện:

- Chuẩn bị: Giáo viên chuẩn bị slide Powpoint hoặc Flashcards về từ hoặc cụm từ. Giáo viên giới thiệu các từ hoặc cụm từ bằng cách chiếu slide hoặc dùng Flashcard.

- Luyện phát âm: Giáo viên đi từng từ/ cụm từ một, cho học sinh nghe và đọc theo để tạo hiệu ứng đám đông, rồi sau đó cho đọc cá nhân để sửa lỗi phát âm.

- Ghép từ vựng vào hành động: Giáo viên đọc to từ/ cụm từ vừa học, kết hợp hành động để mô tả từ/ cụm từ đó, sau đó cho học sinh vừa nói và hành động theo.

- Ôn lại: Khi đã hoàn tất cả các từ/ cụm từ cần học. Giáo viên cho cả lớp luyện tập, lặp lại các từ/ cụm từ kết hợp hành động. Có thể kết hợp tổ chức trò chơi dựa vào các hoạt động, yêu cầu học sinh nêu từ/ cụm từ và ngược lại.



Hình ảnh các bạn HS khối 4 nhảy, đọc từ kết hợp hoạt động

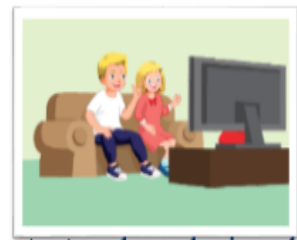
Ví dụ: Unit 4: Activities, Lesson 2 (Tiếng Anh 4 - I learn Smart Start): sau khi hoàn thành các bước dạy từ vựng về hoạt động, và cho học sinh kết hợp đọc các từ vựng kết hợp các hành động của cơ thể. Tôi cho 1 bạn lên bốc 1 bức tranh bất kì, và dùng hoạt động của cơ thể để mô tả từ vựng được thể hiện trong tranh, các học sinh khác ở dưới dựa vào hoạt động mà bạn diễn đạt, giơ tay đặt câu hỏi, và câu trả lời. Mỗi câu mà các em đặt đúng sẽ nhận được 1 sticker.



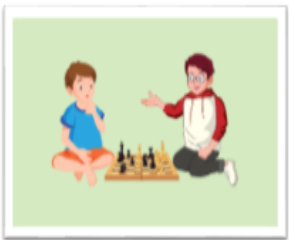
A: Is he listening to music?
B: Yes, he is.



A: Is he playing table tennis?
B: Yes, he is.



A: Are they playing chess?
B: No, they aren't. They're watching television.



A: Are they playing chess?
B: Yes, they are.



A: Is he doing martial arts?
B: No, he isn't. He's skating.



A: Are they doing martial arts?
B: Yes, they are.

“ *Is he/she?* – *Yes, he/she is/ No, he/she isn't. He's /She's.....* ”.

“ *Are they?* - *Yes, they are/ No, they aren't. They're.....* ”

- **Thứ hai: hệ thống từ vựng theo chủ điểm bằng sơ đồ tư duy**

- Học sinh củng cố các từ vựng đã học bằng cách hệ thống mối quan hệ, móc nối giữa các từ vựng với nhau, từ đó nắm được bức tranh toàn cảnh của các từ vựng theo từng chủ điểm. Giúp học sinh dễ dàng hình dung, và ghi nhớ từ vựng. Học sinh được phát triển không những năng lực ngôn ngữ, mà còn phát triển tư duy, thẩm mỹ, bằng việc vẽ, thiết kế mối quan hệ giữa các từ vựng với nhau.

- **Cách thức thực hiện:**

- Chuẩn bị: Giáo viên liệt kê trước các chủ điểm từ vựng lớn trong sách. Khi học đến chủ điểm nào, giáo viên cho học sinh ôn tập các từ vựng liên quan đến chủ điểm. Học sinh chuẩn bị cho mình bút màu, giấy A3, hoặc tận dụng mặt sau của các tranh, ảnh, lịch...

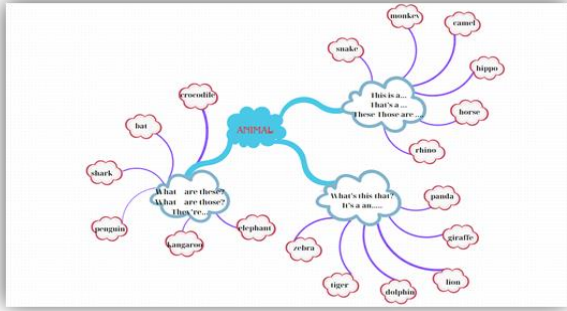
- Khám phá: Giáo viên đưa ra một bản đồ tư duy mẫu cho học sinh xem và giải thích về các nhánh, đường vẽ và đối tượng được thể hiện trên đó. Giáo viên định hướng cho các em không nhất thiết phải vẽ giống như bản đồ tư duy mẫu mà giáo viên đưa ra, mà có thể tự do thiết kế nhưng đảm bảo về nội dung.

- Thực hành: Từ hình ảnh trung tâm là chủ đề chính, học sinh vẽ các nhánh con, gọi là nhánh cấp 1, thể hiện các từ vựng nhánh cấp 1. Tiếp đến từ nhánh cấp 1, lại triển khai thêm các nhánh con của nhánh cấp 1, là nhánh cấp 2, thể hiện từ vựng nhánh cấp 2,... Cứ tiếp tục như thế cho đến nhánh cuối cùng.

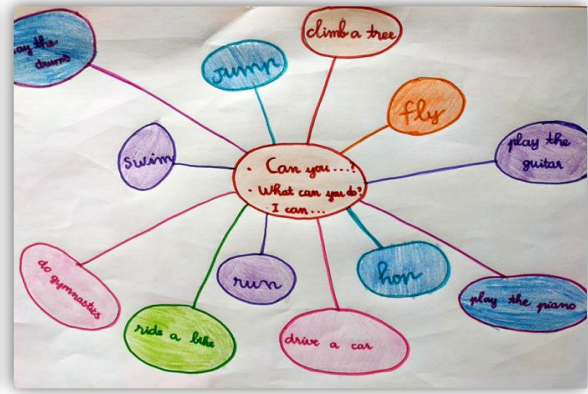
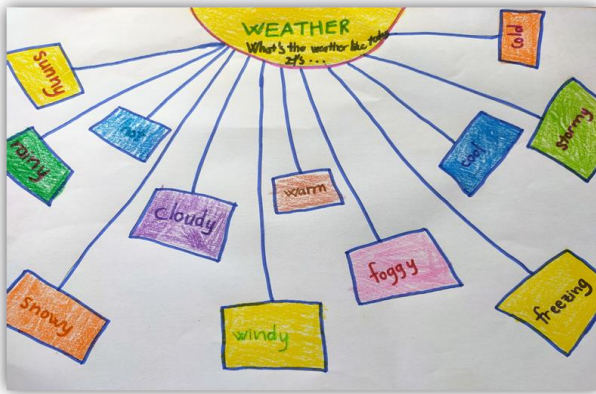
Học sinh sử dụng màu sắc, bố trí thông tin đều quanh hình ảnh trung tâm, hoặc có thể dùng hình ảnh để minh họa cho các từ vựng trong bản đồ tư duy. Các em cũng không nên vẽ hết tờ giấy mà để một số khoảng trống để có thể thêm vào các nhánh là các từ mà các em sẽ học sau này. Như vậy thì bản đồ tư sẽ không nhất thiết vẽ và hoàn thành ngay một lần, mà nó còn có thể tiếp tục được hoàn thiện khi các em gặp các từ vựng mới liên quan đến chủ điểm đó.

- Vận dụng: Sau khi học sinh đã hoàn thành, giáo viên lựa chọn một vài bản đồ tư duy tiêu biểu của học sinh, trưng bày lên bảng, cho học sinh vận dụng các từ vựng vào trong các câu trúc được minh họa trong bản đồ.

- Ví dụ: Sau khi dạy xong Unit 1: Animals (Tiếng Anh 4), cho HS củng cố lại các từ vựng về chủ đề động vật bằng cách cho HS vẽ sơ đồ tư duy các động vật mà các em đã được học, kết hợp cấu trúc câu. Tôi đưa ra mẫu bắt đầu từ trung tâm là 3 cấu trúc câu, sau đó yêu cầu HS hoàn thành sơ đồ tư duy của mình. Sau khi HS hoàn thành, tôi chọn một số sản phẩm của học sinh, trưng bày lên bảng, cho HS thực hành hỏi và trả lời theo sơ đồ tư duy được trưng bày trên bảng.



Hình ảnh các bạn học sinh lớp 4C đang vẽ bản đồ tư duy về chủ đề "animals"



Sản phẩm bản đồ tư duy của các em HS khối lớp 4

- Thứ ba: Áp dụng một số trò chơi tạo hứng thú cho học sinh luyện tập và ghi nhớ từ vựng

❖ Game 1: "Things snatches"

▪ Học sinh luyện tập từ vựng trong môi trường thoải mái, vui vẻ. Đối với trò chơi này, giúp cho học sinh phát âm, nhận diện từ, rèn kỹ năng nghe cho tất cả các đối tượng học sinh, đặc biệt là học sinh yếu kém. Trong quá trình học ngôn ngữ, tiến hành hoạt động này nhiều lần có thể dần hình thành năng lực ngôn ngữ cho các em.

▪ Cách thức thực hiện:

- Chuẩn bị: Giáo viên chuẩn bị sẵn các vật thật hoặc các tranh nhỏ, đơn giản minh họa từ vựng.

- Chia nhóm, phổ biến luật chơi: Giáo viên chia học sinh thành các nhóm nhỏ (4-6 HS) và nêu yêu cầu trò chơi: Mỗi nhóm sẽ cử ra 1 HS là nhóm trưởng, các HS khác trong nhóm ngồi quay mặt vào nhau. HS đặt các vật/tranh mà giáo viên giao cho mỗi nhóm lên bàn. Giáo viên phổ biến luật chơi và ấn định thời gian hoặc số lượt chơi.

- Thực hành: Nhóm trưởng sẽ lần lượt gọi tên đồ vật, hoặc lần lượt nói to từng từ vựng bất kì được minh họa trong tranh bằng tiếng Anh, các HS còn lại trong nhóm nghe và nhanh tay lấy vật/bức tranh bạn mình vừa gọi tên, bạn nào lấy được đúng vật/ bức tranh đó sẽ nhận được 1 sticker.

Sau khi hết thời gian hoặc số lượt chơi đã được ấn định từ trước, bạn nào lấy được nhiều vật/bức tranh đúng nhất sẽ giành chiến thắng.

Sau đó, mỗi học sinh sẽ cho cả nhóm xem lại những vật/bức tranh mình vừa lấy được, lần lượt đọc lại các từ vựng thể hiện trong vật/ bức tranh. Các bạn còn lại chú ý lắng nghe xem bạn mình đã gọi đúng tên vật, hoặc nói đúng từ vựng được thể hiện trong bức tranh chưa và sửa lỗi.



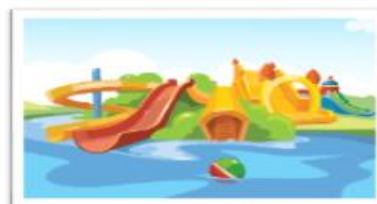
Hình ảnh các bạn HS lớp 4A đang chơi với các vật thật

Ví dụ: Unit 4: Activities (tiếng Anh 4). Để luyện tập các từ vựng về các hoạt động đã được học, giáo viên chuẩn bị các bộ tranh nhỏ minh họa các từ vựng về hoạt động đó. GV chia HS thành 6 - 8 nhóm, GV nêu thể lệ trò chơi và ấn định thời gian, phát mỗi nhóm 1 bộ tranh nhỏ, HS cử 1 nhóm trưởng đại diện mỗi nhóm nêu

tên từ vựng, các học sinh khác nghe và lấy tranh. Khi nhóm trưởng gọi tên một bức tranh như “library”, thì các bạn còn lại trong nhóm nhanh tay lấy bức tranh về *thư viện* ở trên bàn. Ai nhanh hơn và lấy đúng bức tranh thì sẽ nhận được 1 sticker, và lần lượt như vậy với các bức tranh còn lại. Sau khi hết giờ, các bạn sẽ lần lượt giới thiệu bức tranh mình lấy được và đọc lần lượt từng từ vựng thể hiện trong tranh, ai giành được nhiều sticker hơn thì người đó dành chiến thắng.



Hình ảnh các bạn học sinh lớp 4A đang làm việc theo nhóm 5 người, tổ chức trò chơi “things snatches” với các bức tranh.



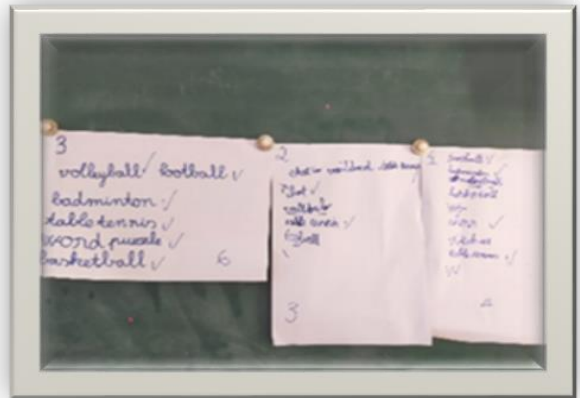
Các bức tranh mà GV Cung cấp cho HS trong trò chơi

❖ Game 2: Kim’s game

- Trò chơi này mang đến hứng thú luyện tập về từ vựng cho học sinh, kiểm tra được kỹ năng viết từ vựng, tăng tính thi đua ở các em, giúp các em ghi nhớ nhiều từ vựng ở nhiều chủ điểm hơn bằng việc quan sát, ghi nhớ, và nhắc lại.

▪ **Cách thức thực hiện:**

- Chuẩn bị: Giáo viên chuẩn bị các bức tranh, các bảng nhóm, bút lông để phát cho các nhóm.
- Chia nhóm, phổ biến luật chơi: Học sinh làm việc theo nhóm (khoảng 6 nhóm), mỗi từ 5 đến 7 em. Giáo viên phổ biến luật chơi và ấn định thời gian.
- Thực hành: Cho học sinh quan sát lần lượt từng bức tranh, mỗi bức tranh 10 giây, cứ như vậy cho đến hết các bức tranh. Các em vừa quan sát vừa cố gắng ghi nhớ các từ vựng thể hiện trong tranh. Sau đó, các em viết lại các từ vựng được minh họa trong tranh bằng tiếng Anh vào bảng nhóm trong thời gian nhất định do giáo viên ấn định. Hết thời gian, các nhóm trưng bày bảng nhóm của nhóm mình lên bảng. Cả lớp quan sát lại tất cả các bức tranh và lần lượt nói to từng từ vựng thể hiện trong tranh, đồng thời kiểm tra đáp án của các nhóm. Mỗi từ vựng được viết đúng sẽ nhận được 1 dấu ✓. Đội nào viết được nhiều từ đúng nhất sẽ là đội chiến thắng.



Hình ảnh các bạn HS lớp 4B đang chơi “Kim’s game” theo nhóm và trưng bày bảng nhóm mình

Ví dụ: Unit 3: Weather. Để kiểm tra và ôn lại các từ vựng về thời tiết mà các em đã học ở tiết trước, tôi cho các em chơi trò chơi này ở phần Warm-up tiết sau, hoặc ở cuối tiết để củng cố.

Sau khi chia lớp ra thành 6 nhóm, phát bảng nhóm và bút, tôi cho HS quan sát lần lượt các bức tranh về thời tiết đã được chuẩn bị trước trên màn hình powpoint. Sau đó các em có 2 phút để làm việc theo nhóm, viết các từ vựng được

thể hiện trong tranh. Hết thời gian 2 phút, các nhóm trưng bày bảng nhóm lên góc đã được phân công, cử đại diện mỗi nhóm tiến hành chấm chéo. Cuối cùng nhóm nào viết đúng được nhiều từ đúng nhất, nhóm đó sẽ giành chiến thắng.



Các hình ảnh giáo viên cho HS xem về chủ đề weather

d. Kết quả khảo nghiệm, áp dụng vào thực tiễn của đơn vị; giá trị khoa học của vấn đề nghiên cứu; phạm vi và hiệu quả ứng dụng.

Sau thời gian áp dụng các giải pháp trên đối với học sinh khối lớp 4 trường Tiểu học Lý Thường Kiệt, tôi nhận thấy các em đã có sự tiến bộ nhiều về cả phẩm chất và năng lực.

- **Về phẩm chất:** Các em yêu thích môn tiếng Anh nhiều hơn, mạnh dạn hơn trong giao tiếp, học tập với thái độ tích cực, chủ động, hăng say, tự giác hơn.

- **Về năng lực:** Các em thuộc nhiều từ, nhớ các từ lâu hơn, biết sử dụng từ vào các kỹ năng, vào bài làm hơn rất nhiều so với đầu học kì I.

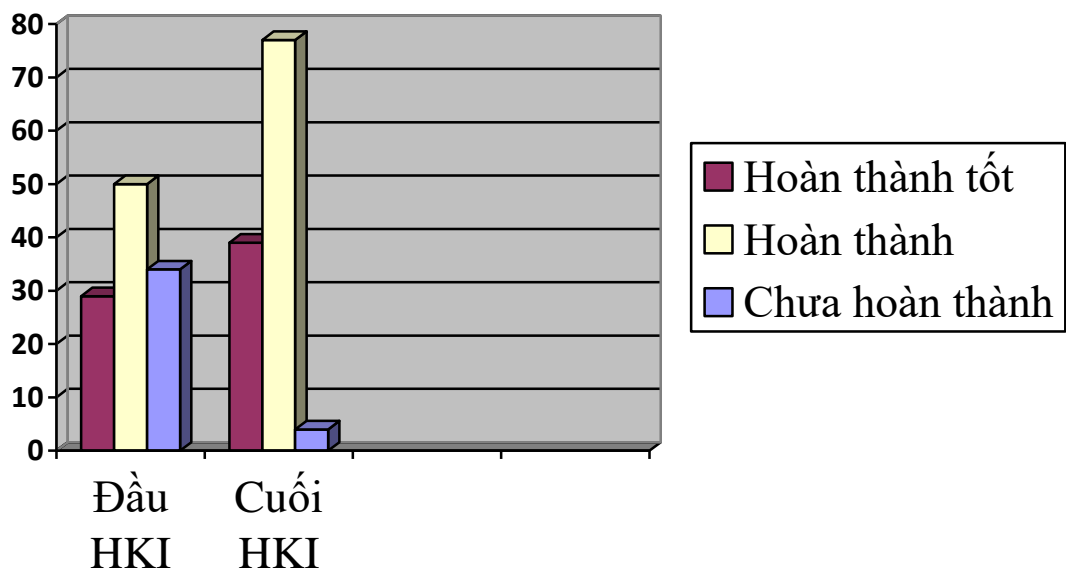




Hình ảnh các em tích cực tham gia các hoạt động và xây dựng bài

Khối lớp 4 (năm học 2023-2024) trước và sau khi áp dụng các giải pháp trên:

STT	Mức độ hoàn thành	Đầu học kì I		Cuối học kì I	
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	Hoàn thành tốt	29/113	25,7%	39/113	34,5%
2	Hoàn thành	50/113	44,2%	70/113	61,9%
3	Chưa hoàn thành	34/113	30,1%	4/113	3,6%



Như vậy, so sánh kết quả chất lượng giữa đầu học kì I và cuối học kì I, chúng ta có thể thấy học sinh khối lớp 4 của trường đã có sự tiến bộ rõ rệt. Học sinh Hoàn thành tốt tăng **8,8%**, học sinh Hoàn thành tăng **17,7%**, đặc biệt học chưa hoàn thành được giảm xuống **26,5%** so với đầu học kì I.

Từ kết quả thu được sau một thời gian thực hiện các giải pháp trên, tôi nhận thấy đối với các em, môn Tiếng Anh không còn là môn học khó như trước; các em thuộc được nhiều từ vựng và khắc sâu từ vựng một cách lâu dài hơn, cũng như sử dụng từ vựng vào các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết một cách có hiệu quả hơn. Khi các em có vốn từ, các em tự tin hơn khi thực hành giao tiếp với vốn từ của mình. Từ đó chúng tôi là giải pháp được nêu là có hiệu quả, tôi đã tiếp áp dụng vào kì II năm học 2023-2024 và sẽ tiếp tục thực hiện giải pháp này trong những năm tiếp theo, hi vọng đạt được hiệu quả tối ưu nhất trong thời gian tới.

PHÂN KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

- Giải pháp tôi nghiên cứu đã khảo sát và làm rõ thực trạng về khả năng ghi nhớ và sử dụng từ vựng tiếng Anh vào các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết của học sinh khối lớp 4 học kì I, năm học 2023-2024, từ đó đưa ra giải pháp tích cực giúp học sinh ghi nhớ từ vựng tốt hơn và vận dụng từ vựng vào các kỹ năng tốt hơn, có đánh giá kết quả, và so sánh với kết quả ban đầu.

- Giải pháp được đưa ra nhằm giúp học sinh có cách tiếp cận, mở rộng vốn từ và ghi nhớ từ vựng tiếng Anh một cách tốt hơn. Từ đó có thái độ tích cực hơn với môn học, giúp các em ham học hơn và học hiệu quả hơn. Qua thực tế sử dụng dạy và học bằng phương pháp TPR, hệ thống từ vựng theo chủ điểm bằng sơ đồ tư duy và áp dụng một số trò chơi để tạo cho hứng thú cho học sinh luyện tập và ghi nhớ từ vựng, tôi đã thu được kết quả giảng dạy và học tập của học sinh tốt hơn. Giáo viên phải tạo ra môi trường cho các em học tập vui tươi và luyện tập có hiệu quả giúp các em hình thành tư duy, sử dụng từ một cách hiệu quả.

- Tôi thực hiện giải pháp này chỉ trong một phần trong tiết học, tuy nhiên nó đóng vai trò rất quan trọng cho việc thực hành mẫu câu. Học sinh đối thoại có trôi chảy, lưu loát hay không đều phải phụ thuộc vào vốn từ vựng của các em có phong phú và các em phát âm tốt hay không. Hơn thế, giải pháp trên không chỉ áp dụng hiệu quả với học sinh lớp 4 mà còn có thể nhân rộng tất cả các môn học khác, các khối lớp khác.

- Trên đây là phương pháp dạy học cùng với thực tế giảng dạy của bản thân. Tôi rất mong nhận được sự quan tâm, chia sẻ và góp ý chân thành từ quý đồng nghiệp, để giải pháp này có thể góp phần tích cực vào quá trình đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng dạy và học hiện nay.

2. Kiến nghị

Xuất phát từ cơ sở thực tiễn, mục đích dạy học cũng như những thành công và hạn chế trong khi thực hiện giải pháp, để góp phần cho việc dạy và học của giáo

viên và học sinh theo chương trình Tiếng Anh Tiểu học đổi mới nói chung và sử dụng có hiệu quả giải pháp giúp học tốt từ vựng tiếng Anh cho học sinh lớp 4 đạt chất lượng, bản thân tôi có những kiến nghị thiết thực sau:

- **Đối với Phòng giáo dục và Đào tạo:** Định kì tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên, để giáo viên nâng cao năng lực.
- **Đối với BGH:** Cung cấp thêm các trang thiết bị dạy học hiện đại.
- **Đối với giáo viên:** Cần phải nhiệt tình trong công tác, ham học hỏi, tìm tòi, khám phá, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng giảng dạy.
- **Đối với học sinh:** Cần tích cực, chủ động trong việc học tập trên lớp và ở nhà góp phần nâng cao chất lượng học môn Tiếng Anh.
- **Đối với phụ huynh:** Thường xuyên quan tâm đến việc học của con em và làm tốt công tác phối hợp với nhà trường để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Cư Bông, ngày 15 tháng 3 năm 2024

Xác nhận của Hiệu Trưởng

Người viết báo cáo

Trần Thị Mai

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. SGK, SGK Tiếng Anh 4 I learn Smart Start – NXB Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Lawson, Michael, 1996, The Vocabulary-Learning Strategies For Foreign Language Student, Flinders University Pres, London.
3. Allen, VF, 1983, Techniques in teaching vocabulary, Oxford University Pres, New York.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên tiểu học*
5. Các trang web:
<https://eduhome.com.vn/>
<https://www.onestopenglish.com/support-for-teaching-vocabulary/vocabulary-matters-techniques-for-teaching-and-learning/155373.article>
https://www.mdek12.org/sites/default/files/Offices/MDE/OAE/OEER/Literacy/Literacy%20Regional%20Trainings/1.12.22_orallanguageandvocabulary_kr_updated2021template_0.pdf
[/http://hoangmai.hanoi.gov.vn/tin-noi-bat/-/view_content/4637980-truong-tieu-hoc-tran-phu-mot-so-bien-phap-giang-day-tu-vung-tieng-anh-hieu-qua-cho-hoc-sinh-o-bac-tieu-hoc.html](http://hoangmai.hanoi.gov.vn/tin-noi-bat/-/view_content/4637980-truong-tieu-hoc-tran-phu-mot-so-bien-phap-giang-day-tu-vung-tieng-anh-hieu-qua-cho-hoc-sinh-o-bac-tieu-hoc.html)
6. Tài liệu tâm lý học đường lớp 3, 4, 5 - Bộ GDĐT